

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của xã Bà Điểm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÀ ĐIỂM

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027;
Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;
Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Bà Điểm về dự toán thu – chi ngân sách và phân bổ ngân sách nhà nước năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm;
Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-UBND-KT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm về giao chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, dự toán thu – chi ngân sách xã Bà Điểm năm 2025 sau sắp xếp;
Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 800 /TTr-KT ngày 18 tháng 08 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách xã năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

Nội dung công khai:



(Đính kèm các biểu mẫu).

Điều 2. Hình thức công khai: Công bố trên trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm và niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT.HĐND xã;
- TT.UBND xã;
- VP. HĐND-UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Lưu: VT, P.KT.Tân.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Anh



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	418.405.000.000	TỔNG SỐ CHI	418.405.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	3.984.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		II. Chi thường xuyên	403.197.000.000
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	390.513.000.000	III. Dự phòng	15.208.000.000
- Bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	389.893.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	620.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	23.908.000.000		



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	418.405.000.000	418.405.000.000
I	Các khoản thu 100%	1.574.000.000	1.574.000.000
	Phí, lệ phí	661.000.000	661.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	913.000.000	913.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	2.410.000.000	2.410.000.000
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.280.000.000	1.280.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.130.000.000	1.130.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	23.908.000.000	23.908.000.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	390.513.000.000	390.513.000.000
	- Thu bổ sung cân đối	389.893.000.000	389.893.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	620.000.000	620.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	4	5	6
	TỔNG CHI	418.405.000.000		418.405.000.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục	217.028.000.000		217.028.000.000
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
3	Chi quốc phòng	12.499.000.000		12.499.000.000
4	Chi An Ninh và trật tự an toàn xã hội	37.159.000.000		37.159.000.000
5	Chi y tế, dân số và gia đình	16.641.000.000		16.641.000.000
6	Chi văn hóa thông tin	878.000.000		878.000.000
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		0
8	Chi thể dục thể thao	247.000.000		247.000.000
9	Chi bảo vệ môi trường	1.496.000.000		1.496.000.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	65.000.000		65.000.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	104.048.000.000		104.048.000.000
12	Chi bảo đảm xã hội	11.410.000.000		11.410.000.000
13	Chi thường xuyên khác	1.106.000.000		1.106.000.000
14	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	620.000.000		620.000.000
15	Dự phòng	15.208.000.000		15.208.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÀ ĐIỂM



Biểu số 108/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	418.405.000.000	TỔNG SỐ CHI	418.405.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	3.984.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		II. Chi thường xuyên	403.197.000.000
III. Thu bổ sung	390.513.000.000	III. Dự phòng	15.208.000.000
- Bổ sung cân đối	389.893.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	620.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn	23.908.000.000		



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	418.405.000.000	418.405.000.000
I	Các khoản thu 100%	1.574.000.000	1.574.000.000
	Phí, lệ phí	661.000.000	661.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	913.000.000	913.000.000
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.410.000.000	2.410.000.000
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.280.000.000	1.280.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.130.000.000	1.130.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
	-		
	-		
	-		
	...		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	23.908.000.000	23.908.000.000
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	390.513.000.000	390.513.000.000
	- Thu bổ sung cân đối	389.893.000.000	389.893.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	620.000.000	620.000.000

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 493 /QĐ-UBND-KT ngày 18 /8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bà Điểm)

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	418.405.000.000
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.984.000.000
-	Thu NSDP hưởng 100%	3.984.000.000
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	-
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	390.513.000.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	389.893.000.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	620.000.000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	23.908.000.000
VI	Thu để lại quản lý qua NSNN	
B	TỔNG CHI NSDP	418.405.000.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	417.785.000.000
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	402.577.000.000
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5	Dự phòng ngân sách	15.208.000.000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	620.000.000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	620.000.000
2	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền SDD	
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
II	Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NS	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)	